TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-11-2019.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn DP, xã HN, huyện HV, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Nguyễn H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TP, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 31-8-2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc,

thường xuyên mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn nhậu và dùng chất kích thích (hút cỏ). Hiện nay, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Đỗ Hạ M, sinh ngày 03-4-2017 và Đỗ Hạ V, sinh ngày 23-11-2018. Chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao các cháu M, V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H cư trú tại thôn TP, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về *"Ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 31-8-2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh H sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên ăn nhậu và dùng chất kích thích (hút cỏ). Hiện nay, vợ chồng đã không sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt, không thực hiện quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi các cháu M, V. Anh H không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Hiện nay, các cháu chưa đủ 36 tháng tuổi và chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao các cháu M, V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Đỗ Nguyên H.

2. Về con chung: Giao các cháu Đỗ Hạ M, sinh ngày 03-4-2017 và Đỗ Hạ V, sinh ngày 23-11-2018 cho chị Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Đỗ Nguyên H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007090 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-11-2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phong, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ